

Bản án số: 30 /2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 09-3-2020

“V/v Ly hôn giữa chị G và anh H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **QUÁCH TRUNG SƠN**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không có tham gia.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 770/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc G**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn:* Anh **Nguyễn H**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp A1, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Chị G có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày: Sau khi được người thân giới thiệu và qua tìm hiểu khoảng 03-04 tháng thì chị và anh H tiến đến hôn nhân vào tháng 9/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, anh H không lo làm ăn, gia đình chồng khó khăn nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ lúc mang thai đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc M sinh ngày 17/7/2018, do chị G nuôi dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị G xin được ly hôn với anh H. Con chung chị yêu cầu nuôi, anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Tại phiên tòa, chị G xin được ly hôn với anh H. Con chung chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Tại tờ tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn H trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị G về thời gian tiến đến hôn nhân, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do lúc mới cưới vợ chồng sống cùng gia đình anh khoảng 01 tháng thì chị G đòi về nhà mẹ ruột sống, sau khi vợ chồng về nhà vợ sống thì chị G không cho anh về thăm gia đình mình, cha mẹ vợ còn đuổi anh không cho thăm vợ con.

Về tài sản chung: Có vàng cưới nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh H đồng ý ly hôn với chị G. Con chung anh yêu cầu nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Trường hợp chị G nuôi con anh không đồng ý cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn H dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị G và anh H do sự giới thiệu của người thân và sau khoảng thời gian ngắn tìm hiểu khoảng 03-04 tháng thì tiến đến hôn nhân tháng vào 9/2017. Cho nên hai người chỉ chung sống hạnh phúc 01 thời gian ngắn đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân do anh chị tính tình không hợp nhau và giữa cha mẹ đôi bên cũng nảy sinh mâu thuẫn. Qua xác minh chính quyền địa phương cũng xác định chị G về nhà cha mẹ ruột sống từ lúc mang thai đến nay, hai người cũng không còn chung sống với nhau. Đối với anh H qua hòa giải tại Tòa anh cũng đồng ý ly hôn với chị G. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét cho chị G được ly hôn với anh H là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc M sinh ngày 17/7/2018 hiện đang do chị G nuôi dưỡng. Cả chị G và anh H đều yêu cầu được quyền nuôi cháu M. Xét thấy con chung đang được chị G nuôi dưỡng từ khi sinh ra đến nay, cháu vẫn phát triển bình thường và hiện con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Trong khi anh H không có thời gian gần gũi,

gắn kết tình cảm với con chung nên Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao con chung cho chị G nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc G.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với anh Nguyễn H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Ngọc M sinh ngày 17/7/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002650 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

4. Về thời hạn kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Anh Nguyễn H thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H).
- (2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố H).
- (3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.
- (4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.
- (5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi “TLST”, nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi “TLPT”; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.
- (8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lễ công bằng (nếu có).
- (9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.